

Số/No:.....25/TN5/1871-01.....

Trang/Page:.....1/1.....

VIMCERTS 093/2025/1801

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: PA 2R1 - Khí thải ABS line 1 - Tọa độ X: 2349115, Y: 0574810.
2. Khách hàng: Công ty Honda Việt Nam.
3. Ngày lấy mẫu: 25/08/2025.
4. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 25/08/2025 đến ngày: 18/09/2025.
5. Ngày hoàn thành: 18/09/2025.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 20:2009 /BTNMT	Kết quả
1	Benzene	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 5	KPH (GHPH = 1,0)
2	Toluene	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 750	KPH (GHPH = 1,0)
3	Xylene	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 870	KPH (GHPH = 1,0)
4	n-Hexane	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 450	KPH (GHPH = 1,0)
5	n-Heptane	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 2000	9,27
6	Ethylacetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 1400	< 3,0
7	Bụi/Dust	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 200 *	28,3
8	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	27.011
9	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	8,26
10	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	24,3

Ghi chú:

- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: giới hạn phát hiện;
*: Áp theo QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 26 tháng 09 năm 2025

GIÁM ĐỐC



Kim Đức Thu

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....25/TN5/1871-02.....

Trang/Page:.....1/1.....

VIMCERTS 093/2025/1802

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: PA 2R1 - Khí thải ABS Line 2 - Tọa độ X: 2349074, Y: 0574819.
2. Khách hàng: Công ty Honda Việt Nam.
3. Ngày lấy mẫu: 25/08/2025.
4. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 25/08/2025 đến ngày: 18/09/2025.
5. Ngày hoàn thành: 18/09/2025.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 20:2009 /BTNMT	Kết quả
1	Benzene	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 5	KPH (GHPH = 1,0)
2	Toluene	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 750	6,57
3	Xylene	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 870	8,01
4	n-Hexane	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 450	KPH (GHPH = 1,0)
5	n-Heptane	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 2000	10,1
6	Ethylacetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 1400	28,3
7	Bụi/Dust	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 200 *	20,3
8	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	86.408
9	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	14,6
10	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	25,4

Ghi chú:

- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: giới hạn phát hiện;
*: Áp theo QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 26 tháng 09 năm 2025

GLM ĐOC



Kim Đức Thu

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/1851-01

Trang/Page: 1/1

VIMCERTS 093/2025/1792

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: PA 2R2 - Khí thải ABS Line 3.1 - Tọa độ X: 2348882, Y: 0574951.
2. Khách hàng: Công ty Honda Việt Nam.
3. Ngày lấy mẫu: 20/08/2025.
4. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 20/08/2025 đến ngày: 18/09/2025.
5. Ngày hoàn thành: 18/09/2025.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 20:2009 /BTNMT	Kết quả
1	Benzene	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 5	KPH (GHPH = 1,0)
2	Toluene	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 750	< 3,0
3	Xylene	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 870	18,9
4	n-Hexane	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 450	5,45
5	n-Heptane	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 2000	9,40
6	Ethylacetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 1400	88,0
7	Bụi/Dust	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 200 *	20,1
8	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	35.042
9	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	9,79
10	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	27,2

Ghi chú:

- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: giới hạn phát hiện;

*: Áp theo QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 26 tháng 09 năm 2025

GIÁM ĐỐC



Kim Đức Thu

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....25/TN5/1851-02.....

Trang/Page:.....1/1.....

VIMCERTS 093/2025/1793

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: PA 2R2 - Khí thải ABS Line 3.2 - Tọa độ X: 2348894, Y: 0574941.
2. Khách hàng: Công ty Honda Việt Nam.
3. Ngày lấy mẫu: 20/08/2025.
4. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 20/08/2025 đến ngày: 18/09/2025.
5. Ngày hoàn thành: 18/09/2025.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 20:2009 /BTNMT	Kết quả
1	Benzene	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 5	KPH (GHPH = 1,0)
2	Toluene	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 750	11,8
3	Xylene	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 870	129
4	n-Hexane	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 450	7,71
5	n-Heptane	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 2000	10,2
6	Ethylacetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 1400	232
7	Bụi/Dust	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 200 *	34,2
8	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	24.304
9	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	2,24
10	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	26,9

Ghi chú:

- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: giới hạn phát hiện;
*: Áp theo QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

TRƯỜNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 26 tháng 09 năm 2025
GIÁM ĐỐC

Kim Đức Thu

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....25/TN5/1851-03.....

Trang/Page:.....1/1.....

VIMCERTS 093/2025/1794

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: PA 2R2 - Khí thải ABS Line 4.1 - Tọa độ X: 2348935, Y: 0574915.
2. Khách hàng: Công ty Honda Việt Nam.
3. Ngày lấy mẫu: 20/08/2025.
4. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 20/08/2025 đến ngày: 18/09/2025.
5. Ngày hoàn thành: 18/09/2025.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 20:2009 /BTNMT	Kết quả
1	Benzene	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 5	KPH (GHPH = 1,0)
2	Toluene	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 750	9,32
3	Xylene	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 870	3,52
4	n-Hexane	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 450	KPH (GHPH = 1,0)
5	n-Heptane	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 2000	9,34
6	Ethylacetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 1400	KPH (GHPH = 1,0)
7	Bụi/Dust	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 200 *	26,6
8	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	33.064
9	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	11,8
10	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	27,1

Ghi chú:

- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: giới hạn phát hiện;

*: Áp theo QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 26 tháng 09 năm 2025

GIÁM ĐỐC



Kim Đức Thu

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....25/TN5/1851-04.....

Trang/Page:.....1/1.....

VIMCERTS 093/2025/1795

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: PA 2R2 - Khí thải ABS Line 4.2 - Tọa độ X: 2348945, Y: 0574908.
2. Khách hàng: Công ty Honda Việt Nam.
3. Ngày lấy mẫu: 20/08/2025.
4. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 20/08/2025 đến ngày: 18/09/2025.
5. Ngày hoàn thành: 18/09/2025.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 20:2009 /BTNMT	Kết quả
1	Benzene	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 5	KPH (GHPH = 1,0)
2	Toluene	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 750	KPH (GHPH = 1,0)
3	Xylene	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 870	KPH (GHPH = 1,0)
4	n-Hexane	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 450	KPH (GHPH = 1,0)
5	n-Heptane	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 2000	9,37
6	Ethylacetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 1400	4,31
7	Bụi/Dust	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 200 *	20,6
8	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	29.390
9	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	5,10
10	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	27,3

Ghi chú:

- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: giới hạn phát hiện;

*: Áp theo QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 26 tháng 09 năm 2025

GIÁM ĐỐC



Kim Đức Thu

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....25/TN5/1865-03.....

Trang/Page:.....1/1.....

VIMCERTS 093/2025/1800

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: PA 2R2 - Khí thải SPC - Tọa độ X: 2348972, Y: 0574877.
2. Khách hàng: Công ty Honda Việt Nam.
3. Ngày lấy mẫu: 22/08/2025.
4. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 22/08/2025 đến ngày: 18/09/2025.
5. Ngày hoàn thành: 18/09/2025.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 20:2009 /BTNMT	Kết quả
1	Benzene	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 5	KPH (GHPH = 1,0)
2	Toluene	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 750	KPH (GHPH = 1,0)
3	Xylene	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 870	KPH (GHPH = 1,0)
4	n-Hexane	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 450	3,53
5	n-Heptane	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 2000	9,47
6	Ethylacetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 1400	KPH (GHPH = 1,0)
7	Bụi/Dust	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 200 *	25,4
8	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	16.391
9	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	1,94
10	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	30,9

Ghi chú:

- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: giới hạn phát hiện;

*: Áp theo QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 26 tháng 09 năm 2025

GIÁM ĐỐC



Hàm Đức Thụ

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/1822-01

Trang/Page: 1/1
VIMCERTS 093/2025/1771

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: PA 4R - Khí thải phòng sơn sắt 1 - Tọa độ X: 2348926, Y: 0574570.
2. Khách hàng: Công ty Honda Việt Nam.
3. Ngày lấy mẫu: 18/08/2025.
4. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 18/08/2025 đến ngày: 18/09/2025.
5. Ngày hoàn thành: 18/09/2025.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 20:2009 /BTNMT	Kết quả
1	Benzene	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 5	KPH (GHPH = 1,0)
2	Toluene	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 750	11,4
3	Xylene	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 870	< 3,0
4	n-Hexane	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 450	4,04
5	n-Heptane	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 2000	11,6
6	Ethylacetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 1400	22,6
7	Bụi/Dust	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 200 *	19,2
8	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	97.214
9	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	4,39
10	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	26,1

Ghi chú:

- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: giới hạn phát hiện;

*: Áp theo QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 26 tháng 09 năm 2025
GIÁM ĐỐC

Kim Đức Thu

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/1822-02

Trang/Page: 1/1
VIMCERTS 093/2025/1772

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: PA 4R - Khí thải phòng sơn sắt 2 - Tọa độ X: 2348930, Y: 0574568.
2. Khách hàng: Công ty Honda Việt Nam.
3. Ngày lấy mẫu: 18/08/2025.
4. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 18/08/2025 đến ngày: 18/09/2025.
5. Ngày hoàn thành: 18/09/2025.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 20:2009 /BTNMT	Kết quả
1	Benzene	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 5	KPH (GHPH = 1,0)
2	Toluene	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 750	< 3,0
3	Xylene	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 870	KPH (GHPH = 1,0)
4	n-Hexane	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 450	KPH (GHPH = 1,0)
5	n-Heptane	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 2000	9,35
6	Ethylacetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 1400	7,69
7	Bụi/Dust	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 200 *	19,9
8	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	110.779
9	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	5,81
10	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	26,7

Ghi chú:

- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: giới hạn phát hiện;

*: Áp theo QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

TRƯỜNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 26 tháng 09 năm 2025

GIÁM ĐỐC



Kim Đức Thụ

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/1822-03

Trang/Page: 1/1
VIMCERTS 093/2025/1773

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: PP 4R - Khí thải buồng sơn nhựa - Tọa độ X: 2348911, Y: 0574599
2. Khách hàng: Công ty Honda Việt Nam.
3. Ngày lấy mẫu: 18/08/2025.
4. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 18/08/2025 đến ngày: 18/09/2025.
5. Ngày hoàn thành: 18/09/2025.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 20:2009 /BTNMT	Kết quả
1	Benzene	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 5	KPH (GHPH = 1,0)
2	Toluene	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 750	5,22
3	Xylene	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 870	< 3,0
4	n-Hexane	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 450	3,48
5	n-Heptane	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 2000	9,21
6	Ethylacetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 1400	5,33
7	Bụi/Dust	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 200 *	24,9
8	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	32.126
9	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	1,22
10	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	26,1

Ghi chú:

- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;

- KPH: Không phát hiện; GHPH: giới hạn phát hiện;

*: Áp theo QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 26 tháng 09 năm 2025

GIÁM ĐỐC



Kim Đức Thu

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....25/TN5/1871-03.....

Trang/Page:1/1.....

VIMCERTS 093/2025/1803

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: Khí thải dây chuyền hàn 1,2&3 WE 2R1 - Tọa độ X: 2349134, Y: 0574870.
2. Khách hàng: Công ty Honda Việt Nam.
3. Ngày lấy mẫu: 25/08/2025.
4. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 25/08/2025 đến ngày: 18/09/2025.
5. Ngày hoàn thành: 18/09/2025.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 19:2009 /BTNMT - cột B (Kv = 0,8; Kp = 0,8)	Kết quả
1	Bụi/Dust	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 128	KPH (GHPH = 5,0)
2	HCl	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	≤ 32	KPH (GHPH = 0,50)
3	CO	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 640	0
4	SO ₂	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 320	0
5	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 544	0
6	H ₂ S	mg/Nm ³	JIS K 0108:2010	≤ 4,8	KPH (GHPH = 1,0)
7	Pb	mg/Nm ³	US EPA Method 29	≤ 3,2	KPH (GHPH = 0,01)
8	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	30.114
9	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	3,37
10	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	25,2

Ghi chú:
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 26 tháng 09 năm 2025

GIÁM ĐỐC



Kim Đức Thu

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....25/TN5/1865-01.....

Trang/Page:1/1.....

VIMCERTS 093/2025/1798

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: Khí thải dây chuyền hàn 4&5 WE 2R2 - Tọa độ X: 2348945, Y: 0575051.
2. Khách hàng: Công ty Honda Việt Nam.
3. Ngày lấy mẫu: 22/08/2025.
4. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 22/08/2025 đến ngày: 18/09/2025.
5. Ngày hoàn thành: 18/09/2025.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 19:2009 /BTNMT - cột B (Kv = 0,8; Kp = 0,8)	Kết quả
1	Bụi/Dust	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 128	KPH (GHPH = 5,0)
2	HCl	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	≤ 32	KPH (GHPH = 0,50)
3	CO	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 640	0
4	SO ₂	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 320	0
5	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 544	0
6	H ₂ S	mg/Nm ³	JIS K 0108:2010	≤ 4,8	KPH (GHPH = 1,0)
7	Pb	mg/Nm ³	US EPA Method 29	≤ 3,2	KPH (GHPH = 0,01)
8	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	61.042
9	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	5,61
10	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	27,2

Ghi chú:
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 26 tháng 09 năm 2025
GIÁM ĐỐC

Kim Đức Thu

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....25/TN5/1865-02.....

Trang/Page:1/1.....

VIMCERTS 093/2025/1799

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: Khí thải dây chuyền hàn 6&7 WE 2R2 - Tọa độ X: 2348940, Y: 0575054.
2. Khách hàng: Công ty Honda Việt Nam.
3. Ngày lấy mẫu: 22/08/2025.
4. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 22/08/2025 đến ngày: 18/09/2025.
5. Ngày hoàn thành: 18/09/2025.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 19:2009 /BTNMT - cột B (Kv = 0,8; Kp = 0,8)	Kết quả
1	Bụi/Dust	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 128	KPH (GHPH = 5,0)
2	HCl	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	≤ 32	KPH (GHPH = 0,50)
3	CO	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 640	0
4	SO ₂	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 320	0
5	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 544	0
6	H ₂ S	mg/Nm ³	JIS K 0108:2010	≤ 4,8	KPH (GHPH = 1,0)
7	Pb	mg/Nm ³	US EPA Method 29	≤ 3,2	KPH (GHPH = 0,01)
8	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	65.493
9	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	5,91
10	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	29,2

Ghi chú:
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 26 tháng 09 năm 2025
GIÁM ĐỐC

Kim Đức Thu

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....25/TN5/1893-01.....

Trang/Page:1/1.....

VIMCERTS 093/2025/1804

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: DC - Khí thải lò nung nhôm 1000kg - Tọa độ X: 2349002, Y: 0574672.
2. Khách hàng: Công ty Honda Việt Nam.
3. Ngày lấy mẫu: 27/08/2025.
4. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 27/08/2025 đến ngày/To: 18/09/2025.
5. Ngày hoàn thành: 18/09/2025.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 19:2009 /BTNMT - cột B (Kv = 0,8; Kp = 0,8)	Kết quả
1	Bụi/Dust	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 128	24,3
2	CO	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 640	0
3	SO ₂	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 320	0
4	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 544	21,9
5	H ₂ S	mg/Nm ³	JIS K 0108:2010	≤ 4,8	KPH (GHPH = 1,0)
6	Pb	mg/Nm ³	US EPA Method 29	≤ 3,2	KPH (GHPH = 0,01)
7	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	5.064
8	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	0,41
9	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	69,3

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 26 tháng 09 năm 2025
GIÁM ĐỐC

Kim Đức Thu

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....25/TN5/1893-02.....

Trang/Page:1/1.....

VIMCERTS 093/2025/1805

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: DC - Khí thải lò nung nhôm 2000kg - Tọa độ X: 2349123, Y: 0574639.
2. Khách hàng: Công ty Honda Việt Nam.
3. Ngày lấy mẫu: 27/08/2025.
4. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 27/08/2025 đến ngày/To: 18/09/2025.
5. Ngày hoàn thành: 18/09/2025.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 19:2009 /BTNMT - cột B (Kv = 0,8; Kp = 0,8)	Kết quả
1	Bụi/Dust	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 128	< 15,0
2	CO	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 640	28,5
3	SO ₂	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 320	0
4	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 544	2,5
5	H ₂ S	mg/Nm ³	JIS K 0108:2010	≤ 4,8	KPH (GHPH = 1,0)
6	Pb	mg/Nm ³	US EPA Method 29	≤ 3,2	KPH (GHPH = 0,01)
7	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	11.214
8	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	2,04
9	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	64,5

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 26 tháng 09 năm 2025
GIÁM ĐỐC

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....25/TN5/1893-03.....

Trang/Page:1/1.....

VIMCERTS 093/2025/1806

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: **Piston - Khí thải lò nung nhôm - Tọa độ X: 2349098, Y: 0574608)**
2. Khách hàng: **Công ty Honda Việt Nam.**
3. Ngày lấy mẫu: **27/08/2025.**
4. Thời gian thử nghiệm: **Từ ngày: 27/08/2025 đến ngày/To: 18/09/2025.**
5. Ngày hoàn thành: **18/09/2025.**

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 19:2009 /BTNMT - cột B (Kv = 0,8; Kp = 0,8)	Kết quả
1	Bụi/Dust	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 128	< 15,0
2	CO	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 640	0
3	SO ₂	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 320	0
4	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 544	0
5	H ₂ S	mg/Nm ³	JIS K 0108:2010	≤ 4,8	KPH (GHPH = 1,0)
6	Pb	mg/Nm ³	US EPA Method 29	≤ 3,2	KPH (GHPH = 0,01)
7	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	16.413
8	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	1,94
9	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	30,6

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 26 tháng 09 năm 2025
GIÁM ĐỐC

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....25/TN5/1906.....

Trang/Page:1/1.....

VIMCERTS 093/2025/1807

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: **Khí thải Sintering - Tọa độ: 2348800, Y: 0575233.**
2. Khách hàng: **Công ty Honda Việt Nam.**
3. Ngày lấy mẫu: **28/08/2025.**
4. Thời gian thử nghiệm: **Từ ngày: 28/08/2025 đến ngày/To: 18/09/2025.**
5. Ngày hoàn thành: **18/09/2025.**

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 19:2009 /BTNMT - cột B (Kv = 0,8; Kp = 0,8)	Kết quả
1	Bụi/Dust	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 128	< 15,0
2	CO	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 640	403,9
3	SO ₂	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 320	0
4	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 544	31,4
5	H ₂ S	mg/Nm ³	JIS K 0108:2010	≤ 4,8	KPH (GPHH = 1,0)
6	Pb	mg/Nm ³	US EPA Method 29	≤ 3,2	KPH (GPHH = 0,01)
7	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	904
8	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	0,20
9	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	129

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- KPH: Không phát hiện; GPHH: giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 26 tháng 09 năm 2025

LƯU Ý: KIỂM TRA



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.